

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-23

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004698 (Mã số doanh nghiệp: 0301121128) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 09 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 10 năm 2011 (thay đổi người đại diện pháp luật).

Văn phòng của Công ty được đặt tại 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói; dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải; dịch vụ giữ xe hai bánh; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 16 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

Và ngày 17 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Văn Thông	Chủ tịch
Bà Chu Thị Tuyết Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Bùi Việt	Thành viên
Ông Kiều Nam Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Kiều Nam Thành	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thành	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam (nay đổi tên là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông PHẠM VĂN THÔNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2013

Số : 48/2013/BCKT-HCM.00342

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được lập vào ngày 05 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (gọi tắt là “Công ty”), được trình bày từ trang 4 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45.183.873.666	44.712.893.403
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.391.570.911	20.350.140.898
Tiền	111		5.391.570.911	2.350.140.898
Các khoản tương đương tiền	112		-	18.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.000.000.000	21.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	36.000.000.000	21.000.000.000
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		2.789.578.413	2.541.822.527
Phải thu khách hàng	131	4.3	1.801.041.715	595.889.255
Trả trước cho người bán	132	4.4	91.593.653	1.319.775.417
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	896.943.045	626.157.855
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	4.6	85.083.000	65.425.500
Hàng tồn kho	141		85.083.000	65.425.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		917.641.342	755.504.478
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		734.841.342	571.162.478
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	182.800.000	184.342.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.619.269.811	40.742.685.386
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		15.713.112.407	14.208.802.982
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	11.617.161.512	13.863.841.802
Nguyên giá	222		33.028.979.167	31.691.321.151
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.411.817.655)	(17.827.479.349)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	133.793.135	113.027.857
Nguyên giá	228		2.870.473.390	2.757.173.390
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.736.680.255)	(2.644.145.533)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	3.962.157.760	231.933.323
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.11	41.876.232.404	26.533.882.404
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.876.232.404	7.533.882.404
Đầu tư dài hạn khác	258		30.000.000.000	19.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		29.925.000	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		29.925.000	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		102.803.143.477	85.455.578.789

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		30.415.425.130	24.067.628.060
Nợ ngắn hạn	310		28.523.428.587	22.522.700.456
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.12	531.608.702	1.102.657.190
Người mua trả tiền trước	313		6.000.105	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	10.404.318.462	1.985.153.377
Phải trả công nhân viên	315		9.423.975.177	6.934.049.781
Chi phí phải trả	316		-	2.829.318.200
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	6.230.058.506	7.975.216.818
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.15	1.927.467.635	1.696.305.090
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		1.891.996.543	1.544.927.604
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.16	1.750.935.936	1.402.684.081
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	54.522.570
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		141.060.607	87.720.953
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.387.718.347	61.387.950.729
Vốn chủ sở hữu	410	4.17	72.387.718.347	61.387.950.729
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		21.340.666.214	17.605.530.111
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.561.620.134	2.561.620.134
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.485.431.999	16.220.800.484
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		102.803.143.477	85.455.578.789

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		2.446.000	-
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN

Kế toán trưởng

KIỀU NAM THÀNH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		70.347.577.485	48.265.958.112
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	70.347.577.485	48.265.958.112
Giá vốn hàng bán	11		38.186.309.486	26.769.687.703
Lợi nhuận gộp	20		32.161.267.999	21.496.270.409
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.2	6.921.264.654	8.372.469.376
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.3	7.350.867.196	6.196.543.124
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		31.731.665.457	23.672.196.661
Thu nhập khác	31	5.4	1.320.668.476	884.366.209
Chi phí khác	32	5.5	640.222	11.413.723
Lợi nhuận khác	40		1.320.028.254	872.952.486
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.051.693.711	24.545.149.147
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	8.150.786.358	6.040.681.732
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.900.907.353	18.504.467.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.7	9.960	7.402

ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN

Kế toán trưởng

KIỀU NAM THÀNH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	33.051.693.711	24.545.149.147
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.755.003.073	3.317.803.901
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.688.764.654)	(8.149.447.376)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	30.117.932.130	19.713.505.672
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(409.892.750)	(884.212.605)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(19.657.500)	(61.036.201)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	5.433.816.293	3.631.643.073
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(29.925.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.995.489.762)	(5.470.035.234)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	508.875.655	422.575.698
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.162.790.980)	(2.213.287.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.442.868.086	15.139.153.225
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.564.252.727)	(8.397.972.928)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	30.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(46.542.350.000)	(52.342.350.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	25.200.000.000	58.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.688.764.654	8.119.447.376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.217.838.073)	3.409.124.448
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.183.600.000)	(7.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.183.600.000)	(7.500.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(14.958.569.987)	11.048.277.673
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	20.350.140.898	9.301.863.225
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.391.570.911	20.350.140.898

ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Kế toán trưởng

KIỀU NAM THÀNH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2013

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004698 (Mã số doanh nghiệp: 0301121128) do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 09 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 10 năm 2011 (thay đổi người đại diện pháp luật).

Văn phòng của Công ty được đặt tại 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt; dịch vụ giữ xe hai bánh.

Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 16 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

Và ngày 17 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 168 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 163 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

3.5 Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu “Miền Tây” và phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.7 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

3.8 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.9 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi kết quả của việc cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng không xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia.

3.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Trong năm tài chính hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

3.11 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn	TP.HCM	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Quận 8	TP.HCM	Cùng Công ty mẹ
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng và Giao Thông Mê Kông	TP.HCM	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn	TP.HCM	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	TP.HCM	Công ty liên doanh với Công ty mẹ
Công ty Ô Tô Isuzu Việt Nam	TP.HCM	Công ty liên kết với Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	TP.HCM	Công ty liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty).

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	864.316.320	1.246.899.199
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	4.527.254.591	1.103.241.699
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND	-	18.000.000.000
	5.391.570.911	20.350.140.898

4.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn vay	-	2.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm	31.000.000.000	14.000.000.000
Công ty TNHH quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á	5.000.000.000	5.000.000.000
	36.000.000.000	21.000.000.000

Khoản đầu tư ngắn hạn vào Công ty TNHH quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á là giá trị ủy thác đầu tư theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 21/2011/HĐ/QLDM/DAC ngày 04 tháng 12 năm 2011, và phụ lục 01 ngày 20 tháng 9 năm 2012, thời gian ủy thác là kể từ khi hợp đồng này có hiệu lực đến ngày 04 tháng 10 năm 2013.

4.3 Các khoản phải thu thương mại

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu thương mại – bên thứ ba	1.801.041.715	595.889.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trả trước cho người bán – bên thứ ba	<u>91.593.653</u>	<u>1.319.775.417</u>

4.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu lãi cho vay	232.500.000	253.022.000
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	664.443.045	371.329.273
Phải thu khác	-	1.806.582
	<u>896.943.045</u>	<u>626.157.855</u>

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên vật liệu	71.738.000	53.686.500
Công cụ, dụng cụ	13.345.000	11.039.000
Hàng hóa	-	700.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	85.083.000	65.425.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	<u>85.083.000</u>	<u>65.425.500</u>

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng cho nhân viên	<u>182.800.000</u>	<u>184.342.000</u>

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2012	28.617.391.408	1.426.380.238	1.009.045.273	638.504.232	31.691.321.151
Mua trong năm	-	468.018.909	-	207.522.638	675.541.547
Xây dựng cơ bản hoàn thành	794.705.807	-	-	-	794.705.807
Thanh lý, nhượng bán	(17.300.000)	-	-	(60.830.045)	(78.130.045)
Giảm khác	(54.459.293)	-	-	-	(54.459.293)
Vào ngày 31/12/2012	<u>29.340.337.922</u>	<u>1.894.399.147</u>	<u>1.009.045.273</u>	<u>785.196.825</u>	<u>33.028.979.167</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2012	15.212.253.067	1.050.037.887	1.009.045.273	556.143.122	17.827.479.349
Khấu hao tăng trong năm	3.387.312.932	203.142.697	-	72.012.722	3.662.468.351
Thanh lý, nhượng bán	(17.300.000)	-	-	(60.830.045)	(78.130.045)
Vào ngày 31/12/2012	<u>18.582.265.999</u>	<u>1.253.180.584</u>	<u>1.009.045.273</u>	<u>567.325.799</u>	<u>21.411.817.655</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2012	13.405.138.341	376.342.351	-	82.361.110	13.863.841.802
Vào ngày 31/12/2012	10.758.071.923	641.218.563	-	217.871.026	11.617.161.512

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.653.356.904 VND.

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN VND	Phần mềm máy tính VND	Hệ thống quản lý chất lượng Iso 9001:2008 VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2012	1.046.686.000	1.425.873.503	284.613.887	-	2.757.173.390
Mua trong kỳ	-	-	-	113.300.000	113.300.000
Vào ngày 31/12/2012	1.046.686.000	1.425.873.503	284.613.887	113.300.000	2.870.473.390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2012	1.046.686.000	1.425.873.503	171.586.030	-	2.644.145.533
Khấu hao tăng trong kỳ	-	-	57.915.280	34.619.442	92.534.722
Vào ngày 31/12/2012	1.046.686.000	1.425.873.503	229.501.310	34.619.442	2.736.680.255
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2012	-	-	113.027.857	-	113.027.857
Vào ngày 31/12/2012	-	-	55.112.577	78.680.558	133.793.135

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Kết chuyển TSCĐ trong năm VND	Số cuối năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình nâng cấp bãi lên xuống bến xe Miền Tây	-	347.925.394	(347.925.394)	-
- Công trình cải tạo hệ thống thoát nước	-	35.088.168	(35.088.168)	-
- Công trình cải tạo sửa chữa vỉa hè bến xe Miền Tây	198.722.727	193.404.845	(392.127.572)	-
- Công trình cải tạo nhà ga bến xe Miền Tây	33.210.596	1.997.981.186	-	2.031.191.782
- Công trình nâng cấp mặt bằng phía trước nhà ga bến xe	-	1.849.085.978	-	1.849.085.978
- Công trình nhà để xe hai bánh	-	45.011.818	-	45.011.818
- Công trình khác	-	56.432.855	(19.564.673)	36.868.182
	231.933.323	4.524.930.244	(794.705.807)	3.962.157.760

4.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư vào công ty liên kết	(a)	11.876.232.404	7.533.882.404
Đầu tư dài hạn khác	(b)	30.000.000.000	19.000.000.000
		41.876.232.404	26.533.882.404

(a) Đây là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần xe khách và dịch vụ miền Tây để nắm giữ 1.134.425 cổ phần. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty số 03/2011/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 01 năm 2011, vốn góp của Công ty trong công ty này sẽ là 12 tỷ đồng để nắm giữ 1.200.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND (tương ứng 20% vốn điều lệ).

(b) Cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn vay 30.000.000.000 VND theo hợp đồng vay vốn số 68/HĐVV-SC ngày 09 tháng 4 năm 2012, phụ lục số 106/PLHĐVV-SC ngày 28 tháng 6 năm 2012 và phụ lục 174/PLHĐVV-SC ngày 09 tháng 11 năm 2012 với số tiền cho vay được chuyển từ số dư nợ vay của các hợp đồng vay vốn số 25/HĐVV - SC ngày 28 tháng 01 năm 2011, số 33/HĐVV - SC ngày 22 tháng 3 năm 2011:

Số tiền cho vay	: 30.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	: 1,083%/tháng, tương đương 13%/năm, trả lãi hàng tháng. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2012, lãi suất cho vay là 0,84%/tháng, tương đương 10%/năm. Từ ngày 01 tháng 12 năm 2012, lãi suất cho vay là 0,75% /tháng, tương đương 9%/năm. Lãi suất sẽ điều chỉnh hàng tháng theo lãi suất thay đổi của ngân hàng.
Mục đích cho vay	: bổ sung vốn kinh doanh

4.12 Phải trả người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả nhà cung cấp/ hàng hóa	6.165.500	-
Phải trả nhà cung cấp/ dịch vụ	525.443.202	1.102.657.190
	531.608.702	1.102.657.190

4.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	164.553.288	528.974.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.633.248.326	1.456.179.290
Tiền thuê đất (*)	8.606.516.848	-
	10.404.318.462	1.985.153.377

(*) Tiền thuê đất được tạm tính căn cứ vào Quyết định số 82/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: về ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thu hộ tiền bán vé của các doanh nghiệp vận tải	841.453.650	414.824.850
Cổ tức phải trả	5.316.400.000	7.500.083.333
Kinh phí công đoàn	53.129.453	42.342.245
Bảo hiểm xã hội	1.649.813	-
Tài sản thừa chờ xử lý	-	540.800
Phải trả tiền ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng	17.425.590	17.425.590
	6.230.058.506	7.975.216.818

4.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Điều hành

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	1.696.305.090	1.792.624.888
Tăng trong năm	3.548.378.735	2.357.846.880
Chi trong năm	(3.317.216.190)	(2.454.166.678)
Số dư cuối năm	1.927.467.635	1.696.305.090

4.16 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.750.935.936	1.402.684.081

4.17 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước(01/01/2011)	25.000.000.000	14.829.259.790	2.561.620.134	10.547.113.474	52.937.993.398
Lãi trong năm trước	-	-	-	18.504.467.415	18.504.467.415
Trích quỹ trong năm trước	-	2.776.270.321	-	(2.776.270.321)	-
Trích cổ tức năm trước	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thù lao của HĐQT và các thành viên không trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	(203.663.204)	(203.663.204)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.850.846.880)	(1.850.846.880)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư cuối năm trước (31/12/2011)	25.000.000.000	17.605.530.111	2.561.620.134	16.220.800.484	61.387.950.729
Số dư đầu năm nay(01/01/2012)	25.000.000.000	17.605.530.111	2.561.620.134	16.220.800.484	61.387.950.729
Lãi trong năm nay	-	-	-	24.900.907.353	24.900.907.353
Trích quỹ trong năm nay	-	3.735.136.103	-	(3.735.136.103)	-
Trích cổ tức năm nay	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Trích thù lao của HĐQT và các thành viên không trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	(352.761.000)	(352.761.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.490.090.735)	(2.490.090.735)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(1.058.288.000)	(1.058.288.000)
Số dư cuối năm nay (31/12/2012)	25.000.000.000	21.340.666.214	2.561.620.134	23.485.431.999	72.387.718.347

Việc tạm trích lập các quỹ và chia cổ tức trong năm 2012 căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 08/BB-HĐQT ngày 04 tháng 02 năm 2013.

Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	2012 VND	2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<u>25.000.000.000</u>	<u>25.000.000.000</u>

Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả cho cổ đông trong năm 2012 là 12.183.600.000 VND.

Cổ phiếu

	2012 Cổ phiếu	2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu thường	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu thường	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	<u>-</u>	<u>-</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ:		
<i>Doanh thu xe ra, vào bến</i>	42.676.651.793	24.007.990.485
<i>Doanh thu cho thuê kị ốt</i>	12.204.846.870	10.947.593.130
<i>Doanh thu vệ sinh bến bãi</i>	6.528.130.408	5.618.780.036
<i>Doanh thu hoa hồng bán vé</i>	4.593.224.596	4.001.419.497
<i>Doanh thu giữ xe</i>	2.082.967.286	1.947.636.417
<i>Doanh thu xe đậu đêm</i>	1.076.352.000	1.101.714.000
<i>Doanh thu xe tăng cường</i>	567.804.546	-
<i>Doanh thu khác</i>	617.599.986	640.824.547
	<u>70.347.577.485</u>	<u>48.265.958.112</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>70.347.577.485</u>	<u>48.265.958.112</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.649.889.676	4.306.548.616
Lãi cho vay	3.144.408.700	2.916.166.000
Lãi ủy thác đầu tư	677.777.778	750.822.260
Cổ tức, lợi nhuận được chia	449.188.500	398.932.500
	6.921.264.654	8.372.469.376

5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nhân viên	5.028.262.390	3.431.422.082
Chi phí vật liệu	123.986.240	200.351.012
Chi phí đồ dùng	191.462.511	116.381.291
Chi phí khấu hao	652.599.752	668.181.424
Thuế, phí, lệ phí	61.615.793	81.891.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	692.824.994	1.045.571.158
Chi phí khác	600.115.516	652.745.083
	7.350.867.196	6.196.543.124

5.4 Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	30.463.636	59.045.455
Thu tiền dịch vụ từ các DN vận tải	857.500.991	714.586.295
Thu nhập khác	432.703.849	110.734.459
	1.320.668.476	884.366.209

5.5 Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Nộp phạt thuế	640.222	504.723
Chi phí khác	-	10.909.000
	640.222	11.413.723

5.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	2012 VND	2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.051.693.711	24.545.149.147
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
<i>Cộng các khoản chi phí không được trừ</i>	640.222	504.723
<i>Trừ thu nhập không chịu thuế</i>	(449.188.500)	(398.932.500)
Tổng thu nhập chịu thuế	32.603.145.433	24.146.721.370
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	8.150.786.358	6.036.680.343
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 bổ sung theo biên bản kiểm toán Nhà nước	-	4.001.389
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.150.786.358	6.040.681.732

5.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2012	2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	24.900.907.353	18.504.467.415
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	24.900.907.353	18.504.467.415
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>9.960</u>	<u>7.402</u>

5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	297.756.422	397.266.375
Chi phí nhân viên	24.010.422.806	17.068.520.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.755.003.073	3.317.803.901
Tiền thuê đất	9.148.249.757	6.070.075.600
Chi phí khác bằng tiền	8.325.744.624	6.112.564.385
	<u>45.537.176.682</u>	<u>32.966.230.827</u>

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là khai thác và kinh doanh bến xe và ở khu vực địa lý duy nhất là thành phố Hồ Chí Minh.

7. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro đáng kể liên quan đến rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

8. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.391.570.911	20.350.140.898	5.391.570.911	20.350.140.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.033.541.715	850.717.837	2.033.541.715	850.717.837
	7.425.112.626	21.200.858.735	7.425.112.626	21.200.858.735
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	531.608.702	1.102.657.190	531.608.702	1.102.657.190
Chi phí phải trả và phải trả khác	6.175.279.240	10.761.651.973	6.175.279.240	10.761.651.973
	6.706.887.942	11.864.309.163	6.706.887.942	13.309.876.289

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2012 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn	Thu lãi cho vay Cho vay Trả cổ tức Chuyển dư nợ cho vay ngắn hạn sang cho vay dài hạn	3.144.408.700 9.000.000.000 6.375.000.000 2.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu (COMECO)	Trả cổ tức Mua nhiên liệu	88.600.000 -
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Quận 8	Phải trả chi phí thi công	2.152.874.069
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng và Giao Thông Mê Kông	Mua dịch vụ	93.975.300
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Nhận cổ tức Cung cấp dịch vụ	449.188.500 2.274.861.799

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2012 VND
Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	1.146.880.910
Công ty Ô Tô Isuzu Việt Nam	Cho thuê mặt bằng	18.181.818
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	840.723.057

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn	Thu lãi cho vay Cho vay dài hạn Phải trả cổ tức	232.500.000 30.000.000.000 (2.550.000.000)
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Quận 8	Phải trả tiền thi công	(310.511.655)

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương và thưởng	2.271.303.224	1.789.898.327

9.2 Sự kiện khác

- Theo Biên bản họp số 15/BB-LS ngày 06 tháng 12 năm 2011 giữa Sở Giao thông Vận tải và Tổng Công ty Samco về xác định mục tiêu, chức năng nhiệm vụ, nhu cầu và quy mô diện tích quy hoạch xây dựng lại bến bãi tại khu đất Bến xe Miền Đông và Bến xe Miền Tây hiện hữu, đối với Bến xe Miền Tây được kiến nghị: sau khi hoàn thành việc xây dựng di dời bến xe ra địa điểm mới tại Tân Quý Tây (Bình Chánh) thì sẽ đầu tư xây dựng lại bến bãi tại khu đất Bến xe Miền Tây hiện hữu. Bến xe Miền Tây hiện hữu có tổng diện tích hiện có là 47.392,4 m² (trong đó có 1.166 m² thuộc lộ giới theo quy hoạch), sau khi xác định diện tích cần thiết để đáp ứng phục vụ cho quy hoạch mạng lưới vận tải công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố và quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 là 33.313 m² thì phần diện tích còn lại là 12.913,4 m² sẽ tổ chức bán đấu giá theo quy định nhằm tạo vốn đầu tư cho dự án bến xe mới.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 08/BB-HĐQT ngày 04 tháng 02 năm 2013: trong năm 2013, Công ty sẽ triển khai đầu tư xây dựng 6 công trình như: Bãi giữ xe gắn máy nhiều tầng, công trình di dời khung nhà thép làm bãi đỗ mới và xây dựng công trình kinh doanh dịch vụ, nhà vệ sinh công cộng, đầu tư xây dựng hệ thống chữa cháy trong và ngoài nhà ga, cải tạo mặt bằng kiot, xây dựng nhà vệ sinh công cộng khu vực bãi đỗ, xây dựng tường rào và lối đi riêng cho khu tập thể, với tổng mức đầu tư dự kiến là 17.013.806.000 đồng.

ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Kế toán trưởng

KIỀU NAM THÀNH
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2013